

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ
SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1137/QĐ-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI
1. Danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh
 vực xây dựng (Nhóm B)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan giải quyết TTHC
1	Quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa quốc gia thành đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng thành đường thủy nội địa quốc gia	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực xây dựng (Nhóm A)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan giải quyết TTHC
1	5.002558	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh	Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	5.002560	Công bố đóng khu neo đậu vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh	Thông tư số 21/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Sở Xây dựng
3	5.002559	Công bố đóng cảng thủy nội địa vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
4	5.002557	Quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa địa phương thành đường thủy nội địa quốc gia		Bộ Xây dựng

2. Danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực xây dựng (Nhóm B)

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan giải quyết TTHC
1	5.003803	Công bố mở luồng đường thủy nội địa quốc gia	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

1.1. Trình tự thực hiện:

+ Trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh.

+ Chậm nhất trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong địa giới hành chính địa phương.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an yêu cầu đóng luồng.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đóng luồng.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

1.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

+ Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Quyết định công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**-----
Số: /QĐ-...-----
..., ngày ... tháng ... năm ...**QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa(1).....****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ***Căn cứ;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ... của ...;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ...(1) ...

Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

Thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa: chiều rộng (B) độ sâu (H) bán kính cong (R)

Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa:

Điều 2. Trong quá trình khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa, ...(tổ chức, cá nhân) ...có trách nhiệm thực hiện:

1.
2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**Ghi chú:**

(1) Tên luồng đường thủy nội địa (ghi rõ đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng).

(2) Hệ tọa độ VN2000.

2. Thủ tục Công bố đóng khu neo đậu vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

2.1. Trình tự thực hiện:

Trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an, Sở Xây dựng ra văn bản đóng khu neo đậu đối với trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thời gian đóng khu neo đậu theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + Văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.
- + Số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đóng khu neo đậu.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;
- + Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;
- + Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

3. Thủ tục Công bố đóng cảng thủy nội địa vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

3.1. Trình tự thực hiện:

Trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam ra văn bản đóng cảng thủy nội địa đối với trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thời gian đóng cảng thủy nội địa theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đóng cảng thủy nội địa.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

+ Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

4. Quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa địa phương thành đường thủy nội địa quốc gia

4.1. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ chuyển đổi đường thủy nội địa đến Bộ Xây dựng.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa địa phương thành đường thủy nội địa quốc gia.

4.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có trên đường thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: không quy định.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 4 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố chuyển đổi luồng.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố chuyển đổi luồng.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

+ Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị chuyển đổi loại đường thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Chuyển đổi loại đường thủy nội địa ...(1).....**

Kính gửi: ...(2).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ...(nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ...(2) ..xem xét chuyển đổi đường thủy nội địa... (1) .., với nội dung sau:

1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(3)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(3)

2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

4. Thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại đường thủy nội địa (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

6. Công trình hiện có trên đường thủy nội địa (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):

7. Thời gian bắt đầu khai thác (hoặc đóng) đường thủy nội địa:

8. Các nội dung khác (nếu có):

9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên đường thủy nội địa.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền chuyển đổi đường thủy nội địa.

(3) Hệ tọa độ VN2000.

Mẫu Quyết định công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**-----
Số: /QĐ-...-----
..., ngày ... tháng ... năm ...**QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa(1).....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ***Căn cứ**Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ... của ...;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ... (1) ...

Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

Thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa: chiều rộng (B) độ sâu (H) bán kính cong (R)

Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa:

Điều 2. Trong quá trình khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa, ...(tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm thực hiện:

1.

2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**Ghi chú:**

(1) Tên luồng đường thủy nội địa (ghi rõ đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng).

(2) Hệ tọa độ VN2000.

5. Công bố mở luồng đường thủy nội địa quốc gia

5.1. Trình tự thực hiện: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam lập hồ sơ, báo cáo Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố mở luồng đường thủy nội địa quốc gia.

5.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công công trình, hệ thống báo hiệu luồng đường thủy nội địa đối với luồng đường thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng mới hoặc luồng đường thủy nội địa được cải tạo, nâng cấp.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ hiện trạng luồng đường thủy nội địa đề nghị công bố thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có đối với luồng đường thủy nội địa không đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục hàng Hải và Đường thủy Việt Nam.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố mở luồng đường thủy nội địa.

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

+ Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa (1).....**

Kính gửi:(2).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: (nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ...(2)... xem xét công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa... (1)..., với nội dung sau:

1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(3)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(3)

2. Chiều dài đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

4. Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại đường thủy nội địa (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

6. Công trình hiện có trên đường thủy nội địa (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):

7. Thời gian bắt đầu khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa:

8. Các nội dung khác (nếu có):

9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên luồng đường thủy nội địa.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa.

(3) Hệ tọa độ VN2000.

Mẫu Quyết định công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa(1).....****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ***Căn cứ;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ... của ...;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ...(1) ...

Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

.....

Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

Thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa: chiều rộng (B) độ sâu (H)

bán kính cong (R)

Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa:

Điều 2. Trong quá trình khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa, ...(tổ chức, cá nhân) ...có trách nhiệm thực hiện:

1.

2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên luồng đường thủy nội địa (ghi rõ đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng).
- (2) Hệ tọa độ VN2000.

6. Quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa quốc gia thành đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng thành đường thủy nội địa quốc gia

6.1. Trình tự thực hiện:

- Chuyển đổi đường thủy nội địa quốc gia thành đường thủy nội địa địa phương: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng lập hồ sơ trình Bộ Xây dựng.

- Chuyển đổi đường thủy nội địa chuyên dùng thành đường thủy nội địa quốc gia: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chủ trì, phối hợp tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng lập hồ sơ trình Bộ Xây dựng.

6.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có trên đường thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: không quy định.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Chuyển đổi đường thủy nội địa quốc gia thành đường thủy nội địa địa phương: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định.

- Chuyển đổi đường thủy nội địa chuyên dùng thành đường thủy nội địa quốc gia: Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố mở luồng.

6.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

+ Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị Chuyển đổi loại đường thủy nội địa:

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Chuyển đổi loại đường thủy nội địa ... (1).....
 Kính gửi: ... (2).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ... (nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ... (2) .. xem xét chuyển đổi đường thủy nội địa... (1) ., với nội dung sau:

1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ: (3)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ: (3)

2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa: km. Từ km thứ đến km thứ

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

4. Thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại đường thủy nội địa (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

6. Công trình hiện có trên đường thủy nội địa (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):

7. Thời gian bắt đầu khai thác (hoặc đóng) đường thủy nội địa:

8. Các nội dung khác (nếu có):

9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị (2)..... xem xét, giải quyết./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT, ...

Ghi chú:

(1) Tên đường thủy nội địa.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền chuyển đổi đường thủy nội địa.

(3) Hệ tọa độ VN2000.

Mẫu Quyết định về việc công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa(1).....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ***Căn cứ**Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ... của ...;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ... (1) ...

Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

Thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa: chiều rộng (B) độ sâu (H) bán kính cong (R)

Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa:

Điều 2. Trong quá trình khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa, ...(tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm thực hiện:

1.

2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**Ghi chú:**

(1) Tên luồng đường thủy nội địa (ghi rõ đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng).

(2) Hệ tọa độ VN2000.